

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-ST
Ngày: 06-3-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Phan Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn M Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 385/2023/TLST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K

Địa chỉ: Số A-B-C PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số D-E HB, phường AC, quận NK, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Ngọc M, tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Minh S, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số QV Quốc lộ IJ, ấp VQ, thị trấn VT, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm 1961

Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp ĐT, xã ĐTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 15/6/2020 ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H có ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức với Ngân hàng K với hạn mức cho vay 250.000.000 đồng. Ngày 31/03/2022 ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H có ký hợp đồng tín dụng từng lần số 162/22/HĐTD/0404-5503 với Ngân hàng K để vay số tiền 200.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 11,1%/năm. Thời hạn thanh toán nợ gốc vào cuối kỳ, lãi suất thanh toán 06 tháng 01 lần. Mục đích bổ sung vốn kinh doanh lúa, gạo.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông D và bà H ký hợp đồng thế chấp số 242/20/HĐTC- BDS/04043039 ngày 15/6/2020 để thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Y515138, số vào sổ 00089, diện tích 12.990m², thửa số 265, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ; Do UBND huyện ÔM cấp cho hộ ông Lê Văn D vào ngày 03/12/2003, điều chỉnh tặng cho ông Lê Văn D vào ngày 26/05/2020;

Đến thời điểm khởi kiện thì ông D và bà H chưa thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông D và bà H trả số tiền 259.345.042 đồng (nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.220.932 đồng, lãi quá hạn 45.124.110 đồng) tạm tính đến ngày xét xử 06/3/2024. Đồng thời yêu cầu ông D và bà H thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 07/3/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp ông D và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Văn D trình bày: Ông không nhớ thời gian đầu tiên là vào

năm nào, vợ chồng ông có ký hợp tín dụng vay vốn tại Ngân hàng K, mỗi năm đều đáo hạn vay lại. Lần gần nhất đáo hạn vay lại là vào năm 2022. Theo hạn mức tại hợp đồng thì ông có thể vay số tiền 250.000.000 đồng nhưng thực tế khi giải ngân ông chỉ vay 200.000.000 đồng. Mức lãi suất, thời hạn vay có ghi tại hợp đồng. Sau khi vay thì vợ chồng ông có đóng lãi tương đối đầy đủ cho Ngân hàng. Từ sau tháng 03/2023 đến nay vợ chồng ông chưa thanh toán lãi cho Ngân hàng, do đó đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông thanh toán số tiền vay 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh thì ông đồng ý. Ông sẽ thỏa thuận trả nợ cho Ngân hàng trong quá trình hòa giải hoặc trong giai đoạn thi hành án. Trường hợp không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Lời trình bày của bà Trần Thị Lệ H thống nhất với lời trình bày của ông D. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vì lý do sức khỏe không tiện đi lại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 92, khoản 6 Điều 95 BLTTDS 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền Nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.220.932 đồng, lãi quá hạn 45.124.110 đồng lãi phát sinh. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông D và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 242/20/HĐTD-BĐS/0404 -3039 ngày 15/6/2020 để thanh toán nợ cho ngân

hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngân hàng K(sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H cư trú tại ấp ĐT, xã ĐTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng hạn mức cấp tín dụng, đồng tín dụng từng lần và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ giữa ông D, bà H với Ngân hàng K, đủ cơ sở xác định ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H có vay số tiền 200.000.000; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 11,1%/năm. Thời hạn thanh toán nợ gốc vào cuối kỳ, lãi suất thanh toán 06 tháng 01 lần. Mục đích bổ sung vốn kinh doanh lúa, gạo.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng cũng như lời trình bày của ông D và bà H, thống nhất đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện cho đến nay thì ông D và bà H vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc đã vay là 200.000.000 đồng. Đối với tiền lãi phát sinh, ông D và bà H thống nhất toàn bộ với yêu cầu của Ngân hàng. Sự thỏa thuận của các đương sự trong hợp đồng tín dụng cũng như sự thống nhất của các đương sự không trái quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Căn cứ quy định tại điều 317 BLDS thì “Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia”. Ông D và bà H dùng tài sản là quyền sử dụng đất do ông Lê Văn D đứng tên để thế chấp, đó là tài sản

được đăng ký và được nhà nước công nhận quyền sử dụng nên việc thế chấp là hợp pháp. Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 293 và Điều 299 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp: Đại diện Ngân hàng K nộp và chi hết 2.500.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận buộc bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn 2.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 293, Điều 299 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Buộc ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng K số tiền 259.345.042 đồng (nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.220.932 đồng, lãi quá hạn 45.124.110 đồng, tính đến ngày 06/3/2024).

2. Kể từ ngày 07/3/2024 ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong

hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông D và bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Buộc ông Lê Văn D và bà Trần Thị Lệ H hoàn lại cho Ngân hàng K số tiền 2.500.000 đồng.

4. Về án phí: Ông D và bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn. Ngân hàng K không phải nộp án phí. Đại diện Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí 6.012.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007412 ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được hoàn lại đủ.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, ông D và bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Y515138, số vào sổ 00089, diện tích 12.990m², thửa số 265, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp ĐT, xã ĐTh, huyện TL, thành phố Cần Thơ; Do UBND huyện ÔM cấp cho hộ ông Lê Văn D vào ngày 03/12/2003, điều chỉnh tặng cho ông Lê Văn D vào ngày 26/05/2020;

(Theo hợp đồng thế chấp số 242/20/HĐTC- BDS/04043039 ngày 15/6/2020)

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện TL;*
- *Cơ quan THA huyện TL;*
- *Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Diễm